

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN M  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DSST

Ngày: 14/12/2020

Về việc: “*Tranh chấp hợp đồng góp hui*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN M**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán – Chủ toa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Hùng

-Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Phan Thanh Sơn

2/. Ông Hồ Quốc Trung

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Hiền, cán bộ Tòa án nhân dân quận M.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận M tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2020/TLST-DS ngày 11/11/2020 về vụ kiện: “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/ QĐXXST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà **Phan Thị Băng T**, sinh năm 1964; trú tại khu vực TB, phường TL, quận M, thành phố Cần Thơ.

-Bị đơn:

1/. Bà **Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm: 1966.

2/. Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm: 1966.

Cùng trú tại khu vực TB, phường TL, quận M, thành phố Cần Thơ.

Các đương sự đều có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Băng T trình bày:*

Từ năm 2015 đến năm 2017, thông qua quen biết, bà Nguyễn Thị Diệu H có mời bà tham gia nhiều chân hui do bà H làm đầu thảo. Do tin tưởng, bà tham gia nhiều dây hui bao gồm:

1) Dây hui 2.000.000 đồng, có 31 thành viên, ngày bắt đầu khai 10/11/2016 (AL).

2) Dây hui 500.000 đồng, có 33 thành viên, ngày bắt đầu khai 30/12/2017 (AL).

- 3) Dây hụi 1.000.000 đồng, có 33 thành viên, ngày bắt đầu khai 10/7/2016 (AL).
- 4) Dây hụi 1.000.000 đồng, có 33 thành viên, ngày bắt đầu khai 10/7/2016 (AL).
- 5) Dây hụi 1.000.000 đồng, có 34 thành viên, ngày bắt đầu khai 30/3/2016 (AL).
- 6) Dây hụi 1.000.000 đồng, có 34 thành viên, ngày bắt đầu khai 30/3/2016 (AL).
- 7) Dây hụi 1.000.000 đồng, có 35 thành viên, ngày bắt đầu khai 30/3/2016 (AL).
- 8) Dây hụi 5.000.000 đồng, có 35 thành viên, ngày bắt đầu khai 30/7/2016 (AL).

Khi tham gia các dây hụi, vợ chồng ông C, bà H có lập danh sách hụi viện vợ chồng ông Chua bà H lưu giữ. Tuy nhiên, đến đầu năm 2017 gia đình bà cần vốn để giải quyết việc gia đình và yêu cầu được hốt hụi thì bà H tuyên bố bẻ hụi và mất hết các giấy tờ nên không trả tiền cho bà. Đến tháng 5/2017, vợ chồng bà H và bà ngồi lại cộng sổ hụi thì bà H thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà với số tiền 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), có giấy nợ do bà H ghi và ký tên vào giấy nợ. Thế nhưng từ đó cho đến nay, vợ chồng bà H, ông C không trả cho bà số tiền nào, mặc dù đã nhiều lần đến gặp vợ chồng bà H yêu cầu trả nợ.

Nhận thấy quyền lợi hợp pháp của bà đang bị xâm phạm nghiêm trọng, nên bà yêu cầu Tòa án xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà buộc vợ chồng ông C, bà H trả cho bà số tiền nợ hụi là 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính tiền lãi.

*Phần trình bày của bị đơn - bà Nguyễn Thị Diệu H:* Vào năm 2015 bà có làm chủ hụi, bà Phan Thị Băng T là người cùng xóm có tham giá chơi hụi do bà làm chủ. Vào năm 2017 không hiểu vì sao hụi viên đồn bà bẻ hụi nên các hụi viên đồng loạt yêu cầu hốt hụi (kêu cao hơn số tiền chơi hụi) nên các người có hụi chết không đóng hụi cho nên không có tiền giao hụi cho bà T. Hiện tại bà còn nợ tiền hụi bà T số tiền tổng cộng là 465.000.000đ ồng. Nay hoàn cảnh khó khăn nên không khả năng trả cho bà T số tiền này, khi nào bà thu được tiền hụi chết của các hụi viên bà sẽ trả cho bà T.

Bà thừa nhận hiện tại còn nợ bà T số tiền tổng cộng là 465.000.000 đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn, hiện tại không có khả năng trả cho bà T số tiền này, khi nào bà thu được tiền hụi chết của các hụi viên bà sẽ trả cho bà T số tiền này.

*Phần trình bày của bị đơn - ông Nguyễn Văn C:* Thống nhất lời trình bày của bà H, không có ý kiến bổ sung.

Tại phiên hòa giải, các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau nên vụ án được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

-Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền hui 465.000.000 đồng.

-Phía bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn bà T số tiền tổng cộng là 465.000.000 đồng. Nay vì hoàn cảnh khó khăn, hiện tại không có khả năng trả, khi nào bị đơn thu được tiền hui chết của các hui viên sẽ trả cho bà T số tiền này.

-Nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn đã trình bày về cách trả nợ cho nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp:* Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã được thẩm tra thấy rằng, tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự hợp đồng góp hui”. Quan hệ tranh chấp này được Luật Dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung:* Theo hồ sơ vụ kiện, giữa nguyên đơn và bị đơn có quan hệ giao dịch dân sự hợp đồng góp hui. Theo đó, nguyên đơn là bà T là hui viên còn bị đơn là chủ hui. Trong quá trình chơi hui, nguyên đơn đã đóng hui đầy đủ, đến đầu năm 2017 cần vốn để giải quyết việc gia đình và yêu cầu được hốt hui thì bị đơn tuyên bố bế hui, không trả tiền cho nguyên đơn. Sau đó, nguyên đơn và bị đơn cộng sổ hui và bị đơn (bà H) có ký giấy nợ thừa nhận còn nợ tiền hui với nguyên đơn số tiền 465.000.000 đồng (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng), nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Phan Thị Băng T đòi bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C trả 465.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại bản tự khai của đương sự và trong quá trình tố tụng bị đơn bà H và ông C thừa nhận không phản đối, nên được xem là tính tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định việc bị đơn bà H và ông C còn nợ số tiền 465.000.000 đồng của nguyên đơn là sự thật. Song, phía bị đơn bà H và ông C cho rằng do hòa cảnh khó khăn không có khả năng trả, nên yêu cầu khi nào thu được tiền hui chết của các hui viên khác sẽ trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên, yêu cầu này của các bị đơn không được phía nguyên đơn chấp nhận, nên không có cơ sở xem xét.

Với phân tích trên, cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, nên cần buộc các bị đơn có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn là phù hợp.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn bà T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên bị đơn bà H và ông C phải chịu án phí. Bà T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

### **Căn cứ vào:**

-Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

-Điều 357, Điều 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Băng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Diệu H và ông Nguyễn Văn C trả cho bà Phan Thị Băng T số tiền 465.000.000 đồng (*Bốn trăm sáu mươi lăm triệu đồng*).

2/. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3/. Về án phí dân sự sơ thẩm:

-Bị đơn bà H và ông C phải chịu 22.600.000 đồng (*Hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

-Nguyên đơn bà T được nhận lại số tiền 11.300.000 đồng (*Mười một triệu, ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 011318 ngày 02/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

4/. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi gửi:**

- TAND.TP/CT;
- VKSND Q. M;
- Chi cục THADS Q. M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

(Đã ký)

**Nguyễn Phi Hùng**